

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19 /2015/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
**Quy định mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí và số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí, số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 và số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2015/NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ 15 quy định mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 49/TTr-STP ngày 06 tháng 5 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, như sau:

1. Đối tượng nộp lệ phí: Những người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch.

2. Các việc hộ tịch được miễn nộp lệ phí:

a) Miễn toàn bộ lệ phí đăng ký khai sinh (bao gồm đăng ký khai sinh đúng hạn, đăng ký khai sinh quá hạn, đăng ký lại việc sinh);

b) Miễn toàn bộ lệ phí đăng ký kết hôn (bao gồm đăng ký kết hôn, đăng ký lại việc kết hôn);

c) Miễn toàn bộ lệ phí đăng ký khai tử (bao gồm đăng ký khai tử đúng hạn, đăng ký khai tử quá hạn, đăng ký lại việc khai tử);

d) Miễn lệ phí đăng ký việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi, bổ sung hộ tịch.

3. Đối với việc đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài theo Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình và các hoạt động đăng ký nhận cha, mẹ, con, cấp bản sao các giấy tờ về hộ tịch, ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn đã tiến hành ở nước ngoài, xác nhận hoặc thực hiện các việc đăng ký hộ tịch khác vẫn thực hiện thu lệ phí theo quy định hiện hành.

4. Lệ phí đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi.

5. Cơ quan thu lệ phí

a) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;

c) Sở Tư pháp.

6. Mức thu lệ phí (*có phụ lục kèm theo*), cụ thể:

a) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn theo quy định tại Phụ lục I.

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo quy định tại Phụ lục II.

c) Sở Tư pháp theo quy định tại Phụ lục III.

Mức thu lệ phí nêu trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí mua sổ đăng ký hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch và các hồ sơ liên quan đến công tác quản lý hộ tịch.

Điều 2. Quản lý lệ phí:

a) Số tiền thu lệ phí hộ tịch là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước. Cơ quan thu lệ phí hộ tịch phải nộp 100% lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước.

b) Cơ quan thu lệ phí phải thực hiện việc thu, nộp lệ phí đăng ký hộ tịch theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 36/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2012 của UBND tỉnh Quy định mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tư pháp, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch

UBND các xã, phường, thị trấn và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Lê Viết Chử

PHỤ LỤC I
MỨC THU LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH ÁP DỤNG TẠI
UBND XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 19 /2015/QĐ-UBND ngày 13 /5/2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

Đơn vị tính: đồng

| STT | Nội dung thu lệ phí | Mức thu cho mỗi trường hợp |
|------------|--|-----------------------------------|
| 1. | Đăng ký việc nhận cha, mẹ, con | 15.000 |
| 2. | Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch | 3.000/01 bản sao |
| 3. | Xác nhận các giấy tờ hộ tịch | 5.000 |
| 4. | Ghi vào sổ các thay đổi hộ tịch khác, gồm: xác định cha, mẹ, con; thay đổi quốc tịch; ly hôn; huỷ việc kết hôn trái pháp luật và những sự kiện hộ tịch khác do pháp luật quy định. | 8.000 |

PHỤ LỤC II
MỨC THU LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH ÁP DỤNG TẠI
UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 19 /2015/QĐ-UBND ngày 13 /5/2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: đồng

| STT | Nội dung thu lệ phí | Mức thu cho mỗi trường hợp |
|------------|---|-----------------------------------|
| 1. | Cấp lại bản chính Giấy khai sinh. | 15.000 |
| 2. | Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch. | 5.000/01 bản sao |
| 3. | Xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, điều chỉnh hộ tịch. | 28.000 |

PHỤ LỤC III
MỨC THU LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH ÁP DỤNG TẠI SỞ TƯ PHÁP
(Ban hành kèm theo Quyết định số 19 /2015/QĐ-UBND ngày 13 /5/2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: đồng

| STT | Nội dung thu lệ phí | Mức thu cho mỗi trường hợp |
|-----|--|----------------------------|
| 1. | Đăng ký kết hôn | 1.500.000 |
| 2. | Đăng ký việc nhận cha, mẹ, con | 1.500.000 |
| 3. | Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch | 8.000/01 bản sao |
| 4. | Cấp lại bản chính Giấy khai sinh | 75.000 |
| 5. | Xác nhận các giấy tờ hộ tịch | 15.000 |
| 6. | Các việc đăng ký hộ tịch khác: | |
| a) | Đăng ký việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, điều chỉnh hộ tịch | 75.000 |
| b) | Ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài | 75.000 |
| c) | Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, việc hủy kết hôn trái pháp luật đã được giải quyết ở nước ngoài | 75.000 |